

Match the following names with the pictures:

Jīdàn
鸡蛋

yáng
羊

yóutiáo
油条

shālā
沙拉

zhōu
粥

miàn tiáo
面条

jī ròu
鸡肉

Niú ròu
牛肉

bāozi
包子

miànbāo
面包

jī
鸡

Yáng ròu
羊肉

niú
牛

